TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **191**/2021/DS - PT
Ngày: 11/5/2021
V/v: Tranh chấp giao dịch mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà Ông Vũ Toàn Giang
Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh
Bà Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Ngoan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2021/DSPT ngày 17/3/2021 về việc Tranh chấp giao dịch mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân quận DĐ, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐ-PT ngày 24/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đặng Đình Q, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số nhà 42 ngách 65 đường S, phường NT, quận LB, thành phố HN;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Vũ Vân A và Luật sư Hoàng Thị D – Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt ông Q, Luật sư Vân A và Luật sư D)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5 ngách 17 ngõ 161 H, phường LH, quận DĐ, thành phố HN; Đại diện theo pháp luật: ông Trần Quang Đ, sinh năm 1970 – chức danh: Giám đốc; Trú tại: P406 toà nhà E1 khu đô thị C, phường XĐ, quận BTL, thành phố HN;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc T và Luật sư Lưu Quang N – Văn phòng Luật sư số 8, Đoàn Luật sư thành phố HN. (Có mặt ông Đ, Luật sư T và Luật sư N)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Thu T , sinh năm 1977; HKTT: 933C T, phường NK, quận BĐ, thành phố HN; Chỗ ở hiện nay: P406 toà nhà E1 khu đô thị C, phường XĐ, quận BTL, thành phố HN. (có mặt)

3.2. Công ty CP Xây dựng và thương mại V; địa chỉ ĐKKD: số 419 đường GP, phường PL, quận TX, thành phố HN; đại diện theo pháp luật: ông Trần Đức T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Đặng Đình Q trình bày:

Đầu năm 2011, ông Đặng Đình Q có quen biết vợ chồng ông Trần Quang Đ và bà Võ Thị Thu T . Ông Trần Quang Đ là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T. Đầu tháng 3/2011, bà Võ Thị Thu T có giới thiệu cho ông Đặng Đình Q dự án nhà ở của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T nằm trên khu đất HC, Thôn V, xã TL, huyện TT, thành phố HN. Sau đó, ông Đặng Đình Q cùng bà Võ Thị Thu T đi xem khu đất.

Bà Võ Thị Thu T giới thiệu dự án sẽ được khởi công xây dựng vào 01 năm sau, giá tiền khu đất là 21 triệu đồng/m2, diện tích mỗi căn liền kề 65m2 và đóng trước 50% tổng số tiền mua nhà đất ở. Ông Đặng Đình Q đồng ý góp tiền cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T để mua 02 căn liền kề, mỗi căn 65m2 thuộc dự án theo như bà Trang giới thiệu.

Ông Đặng Đình Q đã nộp 1.365.000.000 đồng tại trụ sở Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T, địa chỉ số 5 ngách 17 ngõ 161 H, phường LH, quận DĐ, Hà Nội, thể hiện phiếu thu số 14-03 ngày 08/3/2011 nộp 300.000.000đồng, phiếu thu số 26-03 ngày 10/3/2011 nộp 1.000.000.000đồng và phiếu thu số 11-04 ngày 15/4/2011 nộp 65.000.000 đồng.

Ông Đặng Đình Q trình bày do tin tưởng vào ông Trần Quang Đ và bà Võ Thị Thu T nên đến thời điểm ông giao số tiền trên với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T chỉ trao đổi, hợp đồng miệng với nhau, hẹn sau 06 tháng từ khi nộp tiền hai bên sẽ ký kết hợp đồng. Đến đầu tháng 11/2011, ông Đặng Đình Q đến Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T và nhà riêng của ông Trần Quang Đ và bà Võ Thị Thu T để yêu cầu soạn thảo và ký kết hợp đồng, nhưng ông Trần Quang Đ và bà Võ Thị Thu T đều lấy lý do không thực hiện. Đồng thời, thửa đất tại Thôn V, xã TL, huyện TT, HN mà bà Võ Thị Thu T giới thiệu là có dự án của Công ty T, nhưng vẫn là đất trống, không có công trình dự án triển khai. Ông Đặng Đình Q nhiều lần đến Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T, và nhà riêng của Trần Quang Đ và bà Võ Thị Thu T tại địa chỉ: P406 tòa E1 khu đô thị C, phường XĐ, quận BTL, thành phố HN, yêu cầu trả lại số tiền 1.365.000.000 đồng nhưng không được.

Ông Đặng Đình Q khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T hoàn trả lại số tiền 1.365.000.000 đồng, theo các phiếu thu số 14-03 ngày 08/3/2011, số 26-03 ngày 10/3/2011, số 11-04 ngày 15/4/2011 và tính lãi suất

chậm trả số tiền trên kể từ ngày 08/9/2013.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền lãi chậm thanh toán.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T - đại diện theo pháp luật ông Trần Quang Đ - Giám đốc công ty trình bày:

Bà Võ Thị Thu T , Phó giám đốc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T giới thiệu cho ông Đặng Đình Q về dự án bất động sản tại xứ Đồng Hoa, xã TL, huyện TT, Hà Nội thuộc Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V. Ngày 10-3-2011, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T (bên B) ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/VA-TC với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V (bên A). Theo nội dung hợp đồng là bên A với tư cách chủ đầu tư sẽ triển khai thực hiện xây dựng dự án đầu tư xây dựng khu nhà chia lô; bên B với tư cách là đối tác sẽ góp vốn và được phân chia sản phẩm và các quyền lợi liên quan, đầu tư xây dựng khu nhà chia lô tại địa chỉ xứ Đồng Hoa Cà, xã TL, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Sau khi xem xét dự án, ông Đặng Đình Q đồng ý góp vốn để thực hiện dự án. Trong quá trình thực hiện việc góp vốn vào Công ty, ông Đặng Đình Q tự mang số tiền trên đi nộp cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V. Sau khi nộp tiền xong, ông Đặng Đình Q nhờ viết phiếu thu tiền tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T.

Ông Trần Quang Đ cho rằng không được biết và cũng không ai thông báo trao đổi với ông về việc nộp tiền của ông Đặng Đình Q. Ngày 15-4-2011, ông Trần Quang Đ có thông báo số 154/TB-TC gửi cho ông Đặng Đình Q nội dung là: "1.Công ty T hoàn toàn không chịu trách nhiệm về giao dịch giữa ông Q và bà Võ Thị Thu T 2.Công ty T chỉ có trách nhiệm khi nhận được toàn bộ nghĩa vụ và quyền lợi của Công ty V trả cho ông (Đặng Đình Q) qua Công ty T". Ông Trần Quang Đ cho rằng tố cáo của ông Đặng Đình Q là sai sự thật, vu khống, đề nghị ông Q có biện pháp khôi phục lại uy tín và danh dự cho cá nhân ông và Công ty T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Thu T xác nhận bà quen biết và giới thiệu cho ông Đặng Đình Q về dự án nhà ở tại Xứ Đồng Hoa, xã TL, huyện TT. Bà Võ Thị Thu T nghe thông tin chủ dự án là Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V đang làm thủ tục đầu tư và cùng ông Đặng Đình Q nộp tiền góp vốn dự án cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V. Sau đó, viết phiếu thu số tiền 1.365.000.000 đồng của ông Đặng Đình Q tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T.

Tòa án nhân dân quận DĐ đã thông báo, triệu tập đối với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V, địa chỉ: số 419 đường GP, phường PL, quận TXX, thành phố HN; đại diện theo pháp luật: ông Trần Đức T, Giám đốc Công ty vắng mặt; Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh.

Bản án sơ thẩm đã Xử:

1-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình Q đối với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T trả lại tổng số tiền theo phiếu thu số 14-03 ngày 08/3/2011, phiếu thu số 26-03 ngày 10/3/2011 và phiếu thu số 11-04 ngày 15/4/2011.

2-Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Đặng Đình Q về tính lãi suất chậm trả đối với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T.

3-Buộc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T trả lại 1.365.000.000 đồng (*một tỷ, ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn*) cho ông Đặng Đình Q.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất thi hành án, quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự.

Không chấp nhận với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm.

Nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm và xin rút yêu cầu của về tính lãi suất chậm trả đối với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T.

Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm luận cứ bảo vệ và đề nghị xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu T thống nhất ý kiến với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Không đủ cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo bị đơn làm trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Về nội dung :

[2.1]. Xét bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án bản án sơ thẩm do xác định không đúng bản chất vụ việc, không đúng quan hệ pháp luật, và cho rằng:

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T có địa chỉ trụ sở chính tại: Số 5 ngách 17 ngõ 161 H, phường LH, quận DĐ, thành phố Hà Nội. Mã số doanh nghiệp 0100778837; đăng ký lần đầu ngày 24/11/1998; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/10/2018; Đại diện theo pháp luật: ông Trần Quang Đ – chức danh: Giám đốc; Bà Võ Thị Thu T là thành viên góp vốn công ty TNHH thương mại và dịch vụ T.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/VA-TC ký kết ngày 10-3-2011 có nội dung Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng khu nhà chia lô; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T là đối tác sẽ góp vốn và được phân chia sản phẩm và các quyền lợi liên quan, đầu tư xây dựng khu nhà ở tại địa chỉ xứ Đồng Hoa Cà, xã TL, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Dự án nêu trên đã được bà Võ Thị Thu T là thành viên, Phó giám đốc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T giới thiệu cho ông Đặng Đình Q. Sau khi xem xét dự án, ông Q đồng ý góp vốn để thực hiện dự án và ông Q tự nộp tiền cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V. Nộp tiền xong, ông Q nhờ viết phiếu thu tiền tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T. Như vậy, bản chất của quan hệ là ông Q và các bên cùng góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư.

Bà Võ Thị Thu T xác nhận vào tháng 03 năm 2011 bà là Phó giám đốc công ty TNHH thương mại và dịch vụ T có giới thiệu cho ông Đặng Đình Q dự án nhà ở nêu trên do Công ty CP Xây dựng và thương mại V là chủ đầu tư. Dự án sẽ được khởi công xây dựng sau 01 năm, giá tiền khu đất là 21 triệu đồng/m2; 65 m2/căn và đóng trước 50% tiền. Hai bên hẹn 06 tháng sau sẽ ký kết hợp đồng. Bà Trang trình bày ông Q nộp tiền số tiền 1.365.000.000.000 đồng cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V, và viết phiếu thu có đóng dấu tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T. Sau đó thay đổi lời khai là ông Q trực tiếp nộp số tiền nêu trên tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T và bà Trang đã chuyển tiền cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V có phiếu thu.

Tại Tòa án, đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu T thừa nhận các phiếu thu số 14-03 ngày 08/3/2011 nộp 300.000.000 đồng, phiếu thu số 26-03 ngày 10/3/2011 nộp 1.000.000.000 đồng và phiếu thu số 11-04 ngày 15/4/2011 nộp 65.000.000 đồng, đóng dấu của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T có chữ ký của người nộp tiền là ông Đặng Đình Q và kế toán trưởng, thủ quỹ Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T.

Theo trình bày của bị đơn đối với Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/VA-TC ký kết ngày 10-3-2011 nhưng đã thu tiền của ông Q theo phiếu thu số 14-03 ngày 08/3/2011. Tại Thông báo số 154/TB-TC ngày 15/4/2011 của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T có nội dung: "1.Công ty T hoàn toàn không chịu trách nhiệm về giao dịch giữa ông Q và bà Võ Thị Thu T 2.Công ty T chỉ có trách nhiệm khi nhận được toàn bộ nghĩa vụ và quyền lợi của Công ty V trả cho ông (Đặng Đình Q) qua Công ty T". Thông báo này cùng thời điểm ông Q nộp tiền theo phiếu thu số 11-04 ngày 15/4/2011. Vì vậy, đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày không biết ông Q nộp tiền và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T thông báo trả lại cho ông Đặng Đình Q khi nhận được toàn bộ nghĩa vụ, quyền lợi của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V là không có cơ sở.

Bà Võ Thị Thu T và bị đơn cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh đã chuyển số tiền của ông Q nộp đến Công ty CP Xây dựng và thương mại V liên quan đến tính pháp lý của dự án cũng như việc góp vốn tham gia dự án hoặc các hợp đồng liên quan thể hiện việc ghi nhận số tiền ông Q đã nộp được đưa vào để đặt cọc mua đất tại dự án.

Bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không thực hiện đúng tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đối với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V và các đương sự. Nhưng căn cứ tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giao dịch dân sự mua bán tài sản, bởi bên mua là cá nhân có nhu cầu sử dụng nhà đất ở và thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V nhưng đương sự vắng mặt không có lý do nên giải quyết, xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với nguyên đơn, Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V và đương sự khác không kháng cáo.

[2.2] Từ những nhận định nêu trên, xác định do quen biết và tin tưởng vào giới thiệu của vợ chồng bà Võ Thị Thu T và ông Trần Quang Đ nên ông Đặng Đình Q đã nộp số tiền 1.365.000.000 đồng tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T, theo các phiếu thu số 14-03 ngày 08/3/2011, số 26-03 ngày 10/3/2011, số 11-04 ngày 15/4/2011, để mua 02 căn liền kề, mỗi căn 65m2 thuộc dự án trên, hai bên hẹn 06 tháng sau sẽ ký kết hợp đồng.

Nhưng giữa ông Đặng Đình Q với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T và các bên đương sự không thoả thuận bằng văn bản về việc góp vốn đầu tư dự án, chưa ký hợp đồng đặt cọc, chuyển nhượng nhà đất.

Bị đơn Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T không chứng minh được hoạt động kinh doanh có đầy đủ chức năng thẩm quyền, điều kiện thu tiền của cá nhân để thực hiện giao dịch mua bán nhà đất nhưng đã lập các phiếu thu 1.365.000.000 đồng của ông Đặng Đình Q là không đúng quy định của pháp luật. Giao dịch dân sự vô hiệu nên bị đơn phải hoàn trả tài sản đã nhận. Yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình Q đòi Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T phải trả 1.365.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Ông Đặng Đình Q rút yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi suất đối với số tiền mà bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T phải trả 1.365.000.000 đồng cho ông Đặng Đình Q.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không chứng minh được kháng cáo là có căn cứ nên không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T phải chịu 52.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Đặng Đình Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.475.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 128 Bộ luật dân sự 2005; Điều 117, Điều 123 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân quận DĐ, Thành phố Hà Nội và Quyết định như sau:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình Q đối với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T.

[2] Buộc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T trả lại 1.365.000.000 đồng (*một tỷ, ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn*) cho ông Đặng Đình Q theo phiếu thu số 14-03 ngày 08/3/2011, phiếu thu số 26-03 ngày 10/3/2011 và phiếu thu số 11-04 ngày 15/4/2011.

[3] Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Đặng Đình Q về tính lãi suất chậm trả đối với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

[4] . Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T phải chịu 52.950.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đặng Đình Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.475.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009873 ngày 14-2-2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận DĐ, Hà Nội.

- Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.Xác nhận Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T đã nộp đủ số tiền này theo biên lai tạm ứng án phí số A A/2019/0015407 ngày 30/12/2020 tại Chi cục THADS quận DĐ, thành phố Hà Nội.

6. Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận DĐ;
- Chi Cục THADS quận DĐ;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ TOÀN GIANG